TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

# Sự hưng thịnh, suy tàn và phục hưng của Phật giáo Ấn Độ

ISSN: 2734-9195 09:10 22/05/2026

Từ tro tàn, sự tái sinh đã diễn ra. Vùng đất từng vang lên "tiếng rống sư tử" của chính pháp vẫn tiếp tục, âm thầm nhưng bền bỉ ngân vang giáo pháp cho đến ngày nay.

Ngay từ thời đức Phật (563-483 TCN) bắt đầu con đường giác ngộ của mình, giáo pháp của Ngài đã dần chuyển hóa bối cảnh tôn giáo của xã hội Ấn Độ cổ đại. Dharma (Chính pháp) đã thu hút những người theo học từ mọi tầng lớp xã hội, từ vương giả cho đến những người cùng khổ.

Trên khắp các vương quốc lớn đương thời, các vị vua và những nhà hộ pháp đã thể hiện lòng tôn kính bằng cách quy y **Triple Gem (Phật - Pháp - Tăng)** và hỗ trợ **Saṅgha (Tăng đoàn)** phát triển.



Chùa Mahabodhi hay còn gọi là Chùa Đại Giác Ngộ ở Bodh Gaya, Bihar, Ấn Độ.

Là những phật tử và người cầu đạo, chúng ta cùng tôn vinh truyền thống lâu dài ấy trong dịp **Vesak (Lễ Phật đản)**.

## Bình minh của Chính pháp tại Ấn Độ cổ đại

Thời đức Phật tại thế, các vị vua quyền lực như Bimbisāra, con trai ông là Ajātasattu và Prasenajit đã bảo trợ và giúp cho chính pháp lan rộng khắp miền Bắc Ấn Độ. Sự ủng hộ của hoàng gia không chỉ củng cố tính ổn định của Tăng đoàn mà còn nâng cao ảnh hưởng xã hội của Phật giáo.

Sau khi đức Phật nhập Mahāparinirvāṇa (Đại Bát Niết-bàn), sự bảo trợ của các đế chế tiếp tục củng cố vị thế của Phật giáo. Hoàng đế Aśoka (A Dục vương, 304-232 TCN) thuộc triều đại Maurya đã tích cực hoằng dương chính pháp bằng việc xây dựng stupa (tháp Phật), thành lập tự viện và hỗ trợ truyền giáo ra ngoài tiểu lục địa.



Tháp Vaishali, Uttar Pradesh, Ấn Độ, được trang trí bằng cột Aśoka, được xây dựng vào thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên.

Tiếp đó, vua Kaniṣka (Ca Nị Sắc Ca, 78-151 SCN) của đế chế Kushan đã thúc đẩy sự phát triển học thuật và **nghệ thuật Phật giáo**, góp phần định hình tư tưởng Mahāyāna (Đại thừa) và nghệ thuật Gandhāra.

Những đóng góp bền vững của Aśoka và Kaniṣka đã đặt nền tảng chính trị và văn hóa để Phật giáo đạt đến đỉnh cao cổ điển dưới triều đại Gupta (240-550) và Pāla (750-1162).

## Thời Gupta: Bảo trợ và phát triển học thuật

Trong thời kỳ Gupta (thế kỷ IV-VI), Phật giáo bước vào giai đoạn tinh luyện giáo lý và phát triển thể chế. Các vị vua như Śrīgupta, Samudragupta và Chandragupta II đã hỗ trợ các trung tâm hành hương như Bodh Gayā (Bồ Đề Đạo Tràng), Sārnāth, Kuśīnagar, và Lumbinī.

Các nhà hành hương Trung Hoa như Faxian (Pháp Hiển) và Xuanzang (Huyền Trang) ghi nhận sự hưng thịnh của tự viện, đời sống giới luật nghiêm minh và những thành tựu nghệ thuật đáng kể.

Trung tâm trí tuệ tiêu biểu là Nālandā Mahāvihāra (Đại học Nalanda), được thành lập vào thế kỷ V, trở thành **đại học Phật giáo** danh tiếng nhất thế giới trung đại. Với hàng nghìn tăng sĩ và học giả, Nalanda là ngọn hải đăng của logic, siêu hình học, thiền định, ngữ pháp, y học và biện luận.



Hình ảnh bản thảo trên lá cọ của tác phẩm “Bồ Tát Quán Thế Âm ban ân huệ: Trang trích từ bản thảo kinh Aṣṭasāhasrikā Prajñāpāramitā ”, được vẽ trong thời kỳ trị vì của triều đại Pāla (750-1162). Hình ảnh được cung cấp bởi Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan, New York.

Giai đoạn này, nhiều triết gia vĩ đại đã định hình tư tưởng Phật giáo:

+ Nāgārjuna (Long Thọ) với học thuyết Madhyamaka (Trung quán), đặt nền trên śūnyatā (tính Không) và dependent origination (duyên khởi).

+ Asaṅga (Vô Trước) và Vasubandhu (Thế Thân) phát triển Yogācāra (Duy thức học), nhấn mạnh về thức và nhận thức.

+ Dignāga và Dharmakīrti hệ thống hóa pramāṇa (nhận thức luận/logic học Phật giáo).

+ Śāntideva (Tịch Thiên) trước tác Bodhicaryāvatāra (Nhập Bồ Tát Hạnh) - kiệt tác về lòng từ bi và con đường Bồ-tát.

Những học giả này đã đưa Phật giáo Ấn Độ đạt đến trình độ triết học tinh vi và tầm ảnh hưởng quốc tế sâu rộng.

## Phục hưng dưới triều Pāla

Sau thời Gupta, triều đại Pāla (thế kỷ VIII-XII) đã khởi xướng một cuộc phục hưng Phật giáo tại miền Đông Ấn Độ và Bengal. Các vị vua như Dharmapāla và Mahīpāla I thành lập các đại học Phật giáo như Vikramaśīla, Odāntapurī và Somapura Mahāvihāra.

Những trung tâm này hoạt động như "đối tác học thuật" của Nalanda và góp phần truyền bá Phật giáo sang Tây Tạng và Đông Nam Á.

Đại sư Atīśa Dīpaṃkaraśrījñāna (A Đề Sa), được đào tạo tại Vikramaśīla, sau này đã phục hưng Phật giáo tại Tây Tạng.

Dưới triều Pāla, Vajrayāna (Kim Cương thừa/Mật tông) phát triển mạnh, kết hợp nghi lễ, thiền định và triết học. Nghệ thuật Phật giáo đạt đến đỉnh cao với tượng đồng và tranh kinh. Trong gần 1.500 năm, Phật giáo Ấn Độ là một truyền thống sống động, thích ứng và có kết nối toàn cầu.

## Sự hình thành văn học Prajñāpāramitā

Prajñāpāramitā Sūtra (Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa) là một trong những dòng kinh điển cổ xưa, phát triển từ thế kỷ I TCN đến thế kỷ VI SCN.

**+ Prajñā**: trí tuệ

**+ pāramitā**: sự hoàn hảo/ba-la-mật

Kinh này được hiểu là "diễn thuyết về trí tuệ toàn hảo".



Kim Cương thừa (Vajrāsana), hay Ngai vàng Giác ngộ của đức Phật, là một phiến đá cổ nằm dưới cây Bồ đề, ngay cạnh chùa Đại Bồ đề ở Bồ đề Bodh Gayā. Người ta cho rằng phiến đá này được Hoàng đế Ashoka đặt vào khoảng năm 250–233 trước Công nguyên tại nơi đức Phật đã thiền định. Hình ảnh do Sabuj Barua (Sên-sên Sumanananda Bhikkhu) cung cấp.

Từ truyền thống này, nhiều bản kinh đã được kết tập:

+ Aṣṭasāhasrikā Prajñāpāramitā Sūtra - Bát thiên tụng Bát-nhã

+ Pañcaviṃśatisāhasrikā - Nhị vạn ngũ thiên tụng

+ Bản Thiên tụng (do Huyền Trang dịch sang Hán văn)

+ Vajracchedikā (Kinh Kim Cang)

+ Prajñāpāramitā Hṛdaya Sūtra (Kinh Tâm Kinh)

## Mật tông và “Kim Cương thừa”

Từ cuối thời Gupta, tantra (Mật giáo) hay Vajrayāna (Kim Cương thừa) nổi lên như một dòng tu tập năng động. Truyền thống này nhấn mạnh: mantra (chân ngôn), mandala (mạn-đà-la), mudrā (ấn quyết) và sự sùng kính guru (đạo sư).

Các bậc thầy Mật tông cho rằng giác ngộ có thể đạt được nhanh chóng thông qua nghi quỹ và thiền định chuyển hóa.

Xuất phát từ Đông Bắc Ấn Độ, Kim Cương thừa lan sang Tây Tạng, Mông Cổ, Trung Quốc và Nhật Bản, góp phần làm phong phú đời sống tâm linh Phật giáo.

## Suy tàn: Xâm lược và hủy diệt

Nền tảng thể chế của Phật giáo bắt đầu suy yếu từ thế kỷ V khi White Huns (Hung Nô Trắng) tàn phá Tây Bắc Ấn Độ.

Dù được phục hưng dưới triều Pāla, sự phân mảnh chính trị làm suy giảm khả năng bảo hộ. Đồng thời, Phật giáo gặp khó khăn trước các phái Shaivite (thờ thần Shiva) ở miền Nam, vốn được các vương triều quân sự hậu thuẫn mạnh mẽ.

Đòn quyết định xảy ra vào cuối thế kỷ XII. Năm 1191, quân Turk do Ikhtiyār Al-Dīn Muḥammad Bakhtiyār Khaljī chỉ huy đã phá hủy Nalanda và sát hại tăng sĩ. Các trung tâm như Vikramaśīla và Odāntapurī cũng chịu chung số phận.

Hệ thống đại học Phật giáo bị triệt phá, tăng sĩ phải di cư sang Nepal, Tây Tạng, Bengal và Nam Ấn. Đến thế kỷ XIII, Phật giáo gần như biến mất khỏi quê hương của mình.

## Phục hưng hiện đại: Sự trở lại của Chính pháp

Từ thế kỷ XVIII, các học giả và nhà cải cách khơi dậy lại Di sản Phật giáo Ấn Độ.



Tiến sĩ BR Ambedkar

+ Anagārika Dharmapāla thành lập Mahā Bodhi Society (1891) nhằm phục hồi Bồ Đề Đạo Tràng

+ Kripāśaran Mahāthera thúc đẩy nghiên cứu Pāli và giáo dục Phật học.

Bước ngoặt lớn diễn ra năm 1956 khi B.R.Ambedkar, kiến trúc sư Hiến pháp Ấn Độ quy y Phật giáo cùng hàng trăm nghìn người. Với nhiều cộng đồng Dalit, Phật giáo mang lại phẩm giá, bình đẳng và tái sinh tinh thần.

Các học giả như Bhikkhu Jagdish Kashyap phục hồi nghiên cứu tại Nava Nālandā Mahāvihāra, trong khi S.N.Goenka phổ biến thiền Vipassanā (Minh sát) trên toàn quốc.

## Chu kỳ vô thường

Lịch sử Phật giáo tại Ấn Độ phản chiếu chính giáo lý vô thường (impermanence). Từ khởi đầu giản dị dưới cội Bodhi (Bồ đề), Phật giáo vươn tới huy hoàng đế quốc, trí tuệ rực rỡ và nghệ thuật đỉnh cao. Những đại học như Nalanda từng soi sáng cả châu Á.

Nhưng biến động chính trị và xâm lược đã đưa đến tàn phá và gần như tuyệt diệt.

Dẫu vậy, Chính pháp không biến mất. Nó tiếp tục tồn tại qua ký ức, kinh điển, sự di cư và thực hành thiền định.

Ngày nay, những người hành hương lại nhiễu quanh Mahābodhi Temple (Đại Tháp Bồ Đề). Học giả nghiên cứu kinh Sanskrit và Pāli. Cộng đồng tụng đọc những bản kinh cổ xưa.

Sự hưng suy của Phật giáo Ấn Độ không chỉ là câu chuyện mất mát, mà còn là minh chứng cho **nhẫn nại và sức sống bền bỉ**.

Từ tro tàn, sự tái sinh đã diễn ra.

Vùng đất từng vang lên "tiếng rống sư tử" của Chính pháp vẫn tiếp tục, âm thầm nhưng bền bỉ ngân vang giáo pháp cho đến ngày nay.

Tác giả: **Sanjoy Barua Chowdhury**/Chuyển ngữ và biên tập: **Thường Nguyên**

Nguồn: **https://www.buddhistdoor.net/features/from-enlightenment-to-ashes-and-awakening-again-the-rise-fall-and-renewal-of-buddhism-in-india/**

**Tài liệu tham khảo:**

1] Sanjoy Barua Chowdhury. 2019. "Buddhist Transmission along the Silk Road: The Propagation of the Sarvāstivāda School in China." In *The Journal of International Buddhist Studies College, 4* (1), 1-8. Retrieved 3 Nov. 2025 from https://so03.tci-thaijo.org/index.php/ibsc/article/view/208948.

2] – 2022. "A Forgotten Buddhist Philanthropist from Boṅgabhūmi: The Life and Works of Kṛpāśaraṇa Mahāthērō (1865-1927)". In *Studio Orientalia Slovaca*. Vol.

21.2. 89-115.

3] Toshiichi Endo. 2002. Buddha In Theravada Buddhism: *A Study of the Concept of Buddha in the Pali Commentaries.* Dehiwela: Buddhist Cultural Centre.

4] Charles Willemen. 2008. “Kumārajīva’s ‘Explanatory Discourse’ about Abhidharmic Literature.” In *Journal of the International College for Postgraduate Buddhist Studies 12.*

5] K.L. Dhammajoti. 2020. “Sarvāstivāda Abhidharma.” In *Oxford Research Encyclopedia of Religion.* Retrieved 3 Nov. 2025 from https://oxfordre.com/religion/view/10.1093/acrefore/9780199340378.001.0001/acrefo 9780199340378-e-682.